

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 26/09/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28204503841	Lê Thị Thảo	Ái	25/06/2004	Quảng Trị	31THT8	5.7	5.0	Đạt	
2	28208001038	Lê Thị Bảo	Ân	10/10/2004	Phú Yên	31TYC1	5.3	3.3	Không Đạt	
3	28206201905	Cao Nữ Lan	Anh	19/09/2004	Đắk Nông	31THT8	9.7	8.0	Đạt	
4	28204604906	Nguyễn Tú	Anh	12/06/2004	Hà Tĩnh	31THT6	6.7	5.5	Đạt	
5	27211343064	Trần Tuấn	Anh	06/02/2003	Quảng Bình	30CSC5	3.3	5.5	Không Đạt	
6	28204647709	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	22/10/2004	Quảng Trị	31THT9	8.0	5.0	Đạt	
7	28206601689	Phan Thị Thanh	Bình	11/10/2003	Gia Lai	31THT9	8.0	5.5	Đạt	
8	27217544891	Lê Ngọc Tân	Châu	02/09/2003	Đà Nẵng	31THT8	3.3	6.5	Không Đạt	
9	27202101890	Lê Vương Diệu	Chi	15/10/2003	Gia Lai	30TSC1	8.3	5.0	Đạt	
10	28214306962	Vũ Đình	Chinh	19/05/2004	Nghệ An	31TBN9	8.3	9.0	Đạt	
11	27213239579	Lê Thanh	Chung	03/01/2003	Đà Nẵng	31TBN9	9.0	9.5	Đạt	
12	28204843858	Tạ Đình Hồng	Chuyên	07/08/2004	Quảng Ngãi	31THT9	9.3	5.5	Đạt	
13	28214345014	Phạm Duy	Đan	02/02/2004	Quảng Ngãi	31THT8	V	V	Không Đạt	
14	27215402181	Lê Bá Quốc	Dĩ	04/07/2003	Đắk Lắk	31THT8	9.0	6.0	Đạt	
15	26203318409	Nguyễn Thị Phương	Diễm	29/12/2002	Đà Nẵng	31THT8	3.7	4.0	Không Đạt	
16	27202942225	Trương Đoàn Khánh	Đoan	13/07/2003	Đà Nẵng	31SYC1	V	V	Không Đạt	
17	27218240117	Phạm	Đức	29/12/2003	Quảng Ngãi	31THT9	7.7	3.8	Không Đạt	
18	28209328011	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	05/09/2003	Phú Yên	31THT9	3.7	3.3	Không Đạt	
19	27218129339	Lê Hà	Dương	12/08/2003	Huế	31TBN9	8.3	5.0	Đạt	
20	29204950766	Trương Thị Lan	Duyên	09/09/2005	Quảng Nam	31THT8	3.7	4.0	Không Đạt	
21	28204500513	Huỳnh Tiền	Giang	22/02/2003	Đà Nẵng	31THT9	7.0	8.8	Đạt	
22	28206751174	Bùi Thanh	Hà	16/08/2003	Quảng Bình	31THT9	6.3	3.8	Không Đạt	
23	26203829860	Phạm Nguyễn Văn	Hà	23/08/2002	Đà Nẵng	29SBN3	7.3	5.5	Đạt	
24	28209305849	Võ Thị Thu	Hà	14/07/2004	Quảng Nam	31CHT3	2.3	3.4	Không Đạt	
25	26215334987	Huỳnh Phúc	Hải	07/08/2002	Phú Yên	31TBN9	3.0	5.0	Không Đạt	
26	28212300212	Trần Văn	Hải	30/04/2004	Đà Nẵng	31TBN9	5.0	3.1	Không Đạt	
27	27202902637	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	09/07/2003	Quảng Nam	31TBN9	8.7	5.5	Đạt	
28	26211241691	Hồ Huy	Hậu	09/06/2002	Đà Nẵng	31TBN9	8.0	8.5	Đạt	
29	25218607284	Lê Đức	Hiệp	14/12/2001	Quảng Trị	31CYC2	5.0	2.3	Không Đạt	
30	26215342255	Ngô Văn	Hiếu	14/04/2002	Đà Nẵng	31THT9	7.7	4.0	Không Đạt	
31	29206520018	Đỗ Thị Hương	Hoanh	30/06/2005	Quảng Ngãi	31THT9	7.3	3.3	Không Đạt	
32	28214301272	Huỳnh Đăng	Huy	19/05/2004	Bình Định	31THT8	9.7	9.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28214328738	Lê Viết Minh	Huy	09/07/2004	Đà Nẵng	31THT8	7.3	7.5	Đạt	
34	28214500514	Mai Quốc	Huy	19/03/2004	Quảng Nam	31THT8	6.3	5.3	Đạt	
35	27215327193	Nguyễn Vũ Lê	Huy	07/12/2003	Đà Nẵng	31CSC5	V	V	Không Đạt	
36	27211502026	Nguyễn Triết	Khang	22/11/2003	Quảng Ngãi	31THT9	9.3	4.3	Không Đạt	
37	27215434375	Huỳnh Tuấn	Khanh	05/09/2003	Cần Thơ	31THT8	9.7	7.8	Đạt	
38	28205001897	Phạm Việt An	Khánh	11/03/2004	Quảng Ngãi	31TBN9	4.3	5.0	Không Đạt	
39	25215312270	Trần Cao Anh	Khôi	14/11/2001	Huế	31THT8	9.0	9.3	Đạt	
40	29206747906	Đỗ Thị Hương	Kiều	30/06/2005	Quảng Ngãi	31THT9	6.7	7.0	Đạt	
41	26215339295	Lê Nguyễn Hà	Lâm	05/05/2002	Quảng Trị	31THT9	10.0	8.3	Đạt	
42	29205261970	Võ Thị Hồng	Lãnh	19/04/2005	Bình Định	31TBN9	10.0	7.5	Đạt	
43	28204800716	Trần Mỹ	Lệ	29/11/2004	Bình Định	31THT8	9.7	5.8	Đạt	
44	28204606136	Lê Thị Quỳnh	Liên	11/09/2004	Hà Tĩnh	31TBN9	3.3	3.9	Không Đạt	
45	27202202227	Lê Thị Tú	Linh	23/08/2003	Quảng Trị	30TBN15	-	ĐC	Không Đạt	
46	28206501340	Nguyễn Đặng Ngọc	Linh	23/09/2004	Bình Định	31TBN9	7.7	5.5	Đạt	
47	27205433978	Phạm Thị Giang	Linh	07/01/2003	Ninh Bình	31THT8	9.0	6.0	Đạt	
48	26215341623	Nguyễn Nho Nhật	Long	06/03/2002	Đà Nẵng	31THT9	9.0	6.0	Đạt	
49	28206501472	Trần Thị Hiền	Lương	24/11/2004	Hà Tĩnh	31THT9	5.7	4.5	Không Đạt	
50	27212821353	Lê Huỳnh Hà	Minh	29/08/2003	Quảng Ngãi	30TSC2	8.7	5.3	Đạt	
51	28215002526	Nguyễn Trần Nhựt	Minh	28/02/2004	Quảng Ngãi	31TBN9	6.3	7.0	Đạt	
52	27203800559	Nguyễn Ái	My	03/04/2003	Quảng Nam	30CYC8	7.0	2.5	Không Đạt	
53	29214758784	Lê Quốc	Nghị	19/10/2005	Bình Định	31TBN9	9.7	7.0	Đạt	
54	28214349091	Ngô Đại	Nghĩa	28/02/2004	Lâm Đồng	31THT8	4.7	2.0	Không Đạt	
55	27205202249	Lương Bảo	Ngọc	10/04/2003	Quảng Ngãi	31THT9	5.7	6.0	Đạt	
56	28204901598	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	11/10/2004	Đà Nẵng	31TBN9	6.0	5.0	Đạt	
57	28204602967	Vũ Thị Thảo	Nguyên	13/04/2004	Quảng Nam	31THT9	8.7	4.0	Không Đạt	
58	27211236303	Lê Viết Hoàng	Nhân	28/03/2003	Quảng Nam	31TBN9	5.0	5.8	Đạt	
59	30217257774	Trần Thành	Nhân	25/01/2006	Đà Nẵng	31TBN9	8.0	6.3	Đạt	
60	28214402122	Trần Văn	Nhất	16/03/2003	Quảng Bình	31TBN9	5.7	5.3	Đạt	
61	28206238575	Hồ Thị Yến	Nhi	26/06/2004	Đắk Lắk	31THT9	2.3	2.3	Không Đạt	
62	28204804855	Lê Thị Yến	Nhi	03/03/2004	Quảng Nam	31THT9	5.3	2.0	Không Đạt	
63	27205402019	Nguyễn Hoàng Phương	Nhi	14/10/2003	Cần Thơ	31THT8	8.7	5.0	Đạt	
64	28209538080	Phạm Thị Huyền	Nhi	22/10/2004	Quảng Nam	31TBN9	4.7	5.0	Không Đạt	
65	27211343860	Phạm Trần Thanh	Nhiên	01/09/2003	Quảng Nam	31THT8	3.0	7.0	Không Đạt	
66	26207135208	Lê Phan Khánh	Như	26/08/2002	Đà Nẵng	31THT8	4.3	2.5	Không Đạt	
67	28204646606	Nguyễn Hồng	Nhung	25/01/2004	Gia Lai	31TBN9	7.7	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	29209423992	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10/05/2005	Hồ Chí Minh	31THT8	5.0	5.0	Đạt	
69	27215352222	Trần Tấn	Nhựt	30/10/2002	Quảng Nam	31CSC5	V	V	Không Đạt	
70	30212250325	Huỳnh Ngọc Thiên	Phú	26/09/2006	Gia Lai	31THT8	9.0	5.0	Đạt	
71	28204302369	Lâm Như	Phúc	15/06/2004	Bình Định	31THT8	8.3	4.3	Không Đạt	
72	27208628159	Lê Xuân Hồng	Phúc	20/05/2003	Đà Nẵng	31THT9	V	V	Không Đạt	
73	28214601955	Võ Đình	Phúc	29/08/2004	Đà Nẵng	31TBN9	7.3	5.8	Đạt	
74	27211542371	Nguyễn Đình	Phước	20/04/2002	Quảng Nam	31THT8	5.7	8.5	Đạt	
75	28204633793	Nguyễn Hồng Thùy	Phuong	20/01/2004	Quảng Nam	31TBN9	8.7	5.0	Đạt	
76	26215336433	Đặng Thế Bảo	Quân	05/09/2002	Huế	31THT9	8.3	5.8	Đạt	
77	28212234589	Hoàng Minh	Quân	20/06/2004	Quảng Trị	31TBN9	6.7	6.0	Đạt	
78	27213102261	Huỳnh Nhật	Quý	15/07/2003	Quảng Ngãi	31TBN9	5.3	6.3	Đạt	
79	29206548897	Lưu Thị Kiều	Quyên	28/01/2005	Quảng Nam	31THT8	6.7	5.0	Đạt	
80	28216602207	Lâm Trần Quang	Sang	02/03/2004	Đắk Lắk	31THT9	7.0	5.0	Đạt	
81	28216649995	Nguyễn Tiến	Tài	08/10/2002	Đắk Lắk	31THT9	7.3	5.8	Đạt	
82	29206547209	Vũ Thị Thanh	Tâm	23/08/2005	Quảng Nam	31THT8	6.7	3.3	Không Đạt	
83	29206764830	Huỳnh Thị Thanh	Thanh	08/03/2003	Quảng Nam	31THT8	3.7	6.0	Không Đạt	
84	29214639188	Bùi Xuân	Thiên	16/01/2005	Kon Tum	31THT8	7.0	6.5	Đạt	
85	28204751591	Đào Thị Như	Thom	01/01/2004	Hà Tĩnh	31THT9	7.0	5.0	Đạt	
86	28204550611	Nguyễn Đoàn Oanh	Thư	02/09/2002	Đà Nẵng	31THT9	V	V	Không Đạt	
87	29205121453	Nguyễn Thị Thúy	Thư	04/02/2005	Quảng Nam	31TBN3	7.3	4.3	Không Đạt	
88	28204652989	Lê Nguyễn Hoài	Thương	01/04/2004	Quảng Nam	31THT8	1.7	5.0	Không Đạt	
89	29209424057	Nguyễn Thị Ngân	Thương	11/11/2005	Quảng Nam	31THT8	3.3	5.0	Không Đạt	
90	29206665591	Nguyễn Thị	Thủy	26/01/2005	Hà Tĩnh	31THT9	6.3	2.8	Không Đạt	
91	28204653042	Nguyễn Thị Kim	Tiền	06/05/2004	Quảng Ngãi	31THT8	7.3	8.0	Đạt	
92	28214603393	Nguyễn Thanh	Tịnh	15/09/2004	Huế	31THT9	5.7	5.0	Đạt	
93	27205437142	Đinh Ngọc Bảo	Trâm	25/11/2003	Quảng Bình	31THT8	9.0	7.5	Đạt	
94	27205402194	Trần Thị Ngọc	Trâm	22/10/2003	Gia Lai	31THT8	8.3	8.8	Đạt	
95	28207144397	Võ Thị Cẩm	Tú	10/04/2004	Đà Nẵng	31TSC6	7.7	5.5	Đạt	
96	28216501584	Hồ Hoàng	Vũ	06/02/2004	Phú Yên	31TBN9	9.7	8.5	Đạt	
97	29206521415	Cao Thị Loan	Vy	06/05/2005	Quảng Ngãi	31THT9	7.0	5.3	Đạt	
98	28206205210	Đinh Thị Hạ	Vy	02/06/2004	Quảng Nam	31TBN9	4.7	3.5	Không Đạt	
99	28206833883	Mai Như	Ý	13/12/2003	Đà Nẵng	31TBN9	6.0	5.5	Đạt	
100	29208137682	Nguyễn Thị Như	Ý	06/03/2005	Quảng Nam	31THT8	8.7	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh